TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2021/DS-PT Ngày: 04 - 01 - 2021 V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thúy Thảo- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 12 năm 2020 và ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 590/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền Ủy ban nhân dân xã C chứng thực số 93 ngày 09/7/2020) (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1969; (có mặt)

2. Chị Trần Thị F, sinh năm 1973 (có mặt)

Anh E, chị F cùng địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Văn E, Trần Thị F: Luật sư Võ Huy G, Văn phòng luật sư H-Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn E, chị Trần Thị F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B ủy quyền cho anh Phạm Văn D trình bày*:

Năm 2018, 2019 và 2020 bà Nguyễn Thị B có tổ chức chơi nhiều dây hụi tháng, vợ chồng anh Nguyễn Văn E và chị Trần Thị F có tham gia chơi 17 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 13/10/2018 (05/9/2018 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 21 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 4, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 15 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 02 phần hụi chết: 02 x 10.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 14/4/2019 (10/3/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 26 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 12 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 13 phần hụi chết: 13 x 10.000.000 đồng = 130.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 14/5/2019 (10/4/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 22 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 11 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 10 phần hụi chết: 10 x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 14/5/2019 (10/4/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 26 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 11 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 14 phần hụi chết: 14 x 10.000.000 đồng = 140.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 17/6/2019 (15/5/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 26 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao

đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 10 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 15 phần hụi chết: 15 x 10.000.000 đồng = 150.000.000 đồng.

- Dây thứ sáu: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 17/7/2019 (15/6/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 26 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 09 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 16 phần hụi chết: 16 x 10.000.000 đồng = 160.000.000 đồng.

- Dây thứ bảy: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 15/8/2019 (15/7/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 08 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 22 phần hụi chết: 22 x 10.000.000 đồng = 220.000.000 đồng.

- Dây thứ tám: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 08/8/2019 (10/8/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 07 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 23 phần hụi chết: 23 x 10.000.000 đồng = 230.000.000 đồng.

- Dây thứ chín: Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 13/9/2019 (15/8/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 22 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 2, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 06 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 14 phần hụi chết: 14 x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng.

- Dây thứ mười: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 08/10/2019 (10/9/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 06 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 24 phần hụi chết: 24 x 10.000.000 đồng = 240.000.000 đồng.

- Dây thứ mười một: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 11/11/2019 (15/10/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 05 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 25 phần hụi chết: 25 x 10.000.000 đồng = 250.000.000 đồng.

- Dây thứ mười hai: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 05/12/2019 (10/11/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ

1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 04 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 26 phần hụi chết: 26 x 10.000.000 đồng = 260.000.000 đồng.

- Dây thứ mười ba: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 04/01/2020 (10/12/2019 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 03 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 27 phần hụi chết: 27 x 10.000.000 đồng = 270.000.000 đồng.

- Dây thứ mười bốn: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 29/01/2020 (05/01/2020 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 02 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 28 phần hụi chết: 28 x 10.000.000 đồng = 280.000.000 đồng.

- Dây thứ mười lăm: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 27/02/2020 (05/02/2020 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F đóng hụi chết được 01 lần rồi không đóng nữa. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 29 phần hụi chết: 29 x 10.000.000 đồng = 290.000.000 đồng.

- Dây thứ mười sáu: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 28/3/2020 (05/3/2020 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F không đóng hụi chết. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 30 phần hụi chết: 30 x 10.000.000 đồng = 300.000.000 đồng.

- Dây thứ mười bảy: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 27/4/2020 (05/4/2020 âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 31 phần, vợ chồng anh E và chị F tham gia 01 phần. Dây hụi này vợ chồng anh E và chị F hốt hụi lần thứ 1, bà B đã giao đầy đủ cho anh E và chị F. Sau khi hốt hụi anh E và chị F không đóng hụi chết. Dây hụi này anh E và chị F còn thiếu bà B 30 phần hụi chết: 30x 10.000.000 đồng = 300.000.000 đồng.

Trong 17 đây hụi này chỉ có dây hụi thứ nhất đã mãn, 16 dây hụi còn lại đã bị bể. Tổng số tiền 17 dây hụi anh E và chị F còn thiếu bà B là 3.360.000.000 đồng.

Anh E và chị F còn mượn của bà B 06 phần hụi sống của 06 dây hụi do bà Nguyễn Thị I làm chủ hụi như sau:

1. Dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 10/3/2019 (05/02/2019 âm lịch), gồm có 22 phần, bà B tham gia 01 phần. Dây hụi này, anh E và chị F mượn phần hụi sống hốt hụi, sau đó còn thiếu tiền hụi chết là 55.000.000 đồng, bà B đã phải trả cho bà I số tiền trên.

2. Dây hụi 10.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 14/4/2019 (10/3/2019 âm lịch), gồm có 18 phần, bà B tham gia 01 phần. Dây hụi này, anh E và chị F mượn phần hụi sống hốt hụi, sau đó còn thiếu tiền hụi chết là 20.000.000 đồng.

3. Dây hụi 10.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 14/5/2019 (10/4/2019 âm lịch), gồm có 22 phần, bà B tham gia 01 phần. Dây hụi này, anh E và chị F mượn phần hụi sống hốt hụi, sau đó còn thiếu tiền hụi chết là 130.000.000 đồng.

4. Dây hụi 10.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 06/7/2019 (04/6/2019 âm lịch), gồm có 18 phần, bà B tham gia 01 phần. Dây hụi này, anh E và chị F mượn phần hụi sống hốt hụi, sau đó còn thiếu tiền hụi chết là 90.000.000 đồng.

5. Dây hụi 10.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 10/8/2019 (10/7/2019 âm lịch), gồm có 22 phần, bà B tham gia 01 phần. Dây hụi này, anh E và chị F mượn phần hụi sống hốt hụi, sau đó còn thiếu tiền hụi chết là 130.000.000 đồng.

6. Dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 21/11/2019 (25/10/2019 âm lịch), gồm có 15 phần, bà B tham gia 01 phần. Dây hụi này, anh E và chị F mượn phần hụi sống hốt hụi, sau đó còn thiếu tiền hụi chết là 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh E và chị F mượn hụi của bà B là 475.000.000 đồng.

Ngoài ra anh E và chị F có mượn của bà B số tiền 300.000.000 đồng. Khi mượn tiền chị F có làm biên nhận và hứa khi nào bà B cần tiền thì anh E và chị F sẽ trả lại. Sau đó khi bà B cần tiền thì anh E và chị F có trả được 100.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Văn E và chị Trần Thị F phải cùng liên đới trả số tiền là 4.035.000.000 đồng, trong đó tiền hụi chết là 3.360.000.000 đồng, tiền mượn là 200.000.000 đồng, tiền mượn hụi là 475.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Trần Thị F trình bày*:

Chị thừa nhận có tham gia 01 dây hụi tháng 10.000.000 đồng, do bà Nguyễn Thị B làm đầu thảo. Hụi khui vào ngày 13/10/2018 (05/9/2018 al), mỗi tháng khui một lần, dây hụi gồm có 21 phần, chị tham gia chơi 01 phần. Hụi chết đóng 10.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt hụi thì phải đóng tiền hoa hồng cho chủ hụi là 3.000.000 đồng. Trong dây hụi này chị hốt hụi lần thứ 4, còn thiếu lại bà B 17 lần hụi chết x 10.000.000 đồng = 170.000.000 đồng. 16 dây hụi còn lại theo đơn kiện của bà B chị không có tham gia, bà B tự lập danh sách khống, tự hốt, tự đóng hụi chết cho chính bà. Tiền hụi mượn của 06 dây hụi sống bà B kiện chị, chị không có mượn. Số tiền bà B kiện chị mượn 300.000.000 đồng là không đúng vì chị không có mượn bà B số tiền nào. Từ việc chị thiếu bà B số tiền hụi chết là 170.000.000 đồng, bà B tính lãi ra thành

300.000.000 đồng, do chị có ký tên vào biên nhận nên đồng ý có nợ số tiền này. Sau khi ký biên nhận chị có trả cho bà B số tiền 100.000.000 đồng nên còn nợ lại bà 200.000.000 đồng. Như vậy chị có thiếu bà B số tiền hụi là 170.000.000 đồng, tiền mượn 200.000.000 đồng, tổng cộng là 370.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền trên cho bà B nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin mỗi tháng trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc chị chơi hụi là để chữa bệnh cho chị, chồng chị anh Nguyễn Văn E không biết. Chị thừa nhận có ký tên vào các biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã C.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn E trình bày*:

Việc vợ anh là Trần Thị F chơi hụi, mượn tiền của bà B anh không biết. Anh chỉ mới biết sự việc xảy ra khi ông Phạm Văn Học là chồng bà B cùng 04 người lạ mặt đến nhà cầm dao hăm dọa anh phải trả số tiền nợ bà B, sau đó bà B dẫn theo con đến nhà anh có nhiều lời lẽ hăm dọa và ép buộc anh ký vào giấy hụi do bà B chuẩn bị sẵn, anh có nhờ nhiều người chứng kiến. Do đó anh không đồng ý cùng với vợ liên đới trả nợ cho bà B. Anh thừa nhận có ký tên vào các biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã C, nhưng đang lúc còn bàng hoàng, tại buổi hòa giải người ta không cho anh nói, anh không có hứa bán đất trả.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị I trình bày*:

Bà là đầu thảo hụi, bà Nguyễn Thị B là hụi viên, ở địa phương người ta có gọi bà là bà Hai Hoàng. Bà B có tham gia của bà 09 dây hụi, trong 06 dây hụi mượn mà bà B kiện chị Trần Thị F, anh Nguyễn Văn E, bà B không có nói gì với bà về việc bà B cho vợ chồng chị Trần Thị F, anh Nguyễn Văn E mượn hụi. Trong vụ kiện này bà không có yêu cầu độc lập.

- Bản án sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 3, Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc anh Nguyễn Văn E và chị Trần Thị F phải cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 4.035.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 21/9/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn E, chị Trần Thị F kháng cáo bản án sơ thẩm số 93/2020/DSST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của anh chị trả cho bà Nguyễn Thị B 370.000.000 đồng tiền nợ vay và nợ hụi khui ngày 13/10/2018 còn tất cả các dây hụi khác anh E, chị F không có tham gia.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Trần Thị F và anh Nguyễn Văn E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Giàu đại diện theo ủy quyền của bà B xin rút lại phần yêu cầu đòi chị F, anh E trả tiền nợ của 16 dây hụi còn lại và 06 phần hụi cho vợ chồng chị Bảnh anh E mượn hốt của bà B tham gia do Nguyễn Thị I làm chủ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh E chị F đưa ra lập luận rằng sổ hụi do bà B cấp cho Tòa án do bà B tự lập không có tên chị F trong danh sách hụi viên. Danh sách người tham gia các dây hụi do hụi viên cung cấp cũng không trùng khớp. Các chữ ký tên F trong sổ hụi của bà B là ký cùng một ngày không phải ký từng lần hốt hụi do đó anh E khai bị bà B cùng gia đình bà đến nhà ép buộc anh E ký là có cơ sở nên không phải là tài liệu chứng minh theo quy định của pháp luật nên không có giá trị pháp lý. Tòa sơ thẩm dựa vào biên bản hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã C làm căn cứ buộc anh E chị F trả toàn bộ số nợ bà B yêu cầu là không khách quan.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, chị F thừa nhận còn nợ bà B 170.000.000 đồng tiền hụi khui ngày 13/10/2018 và 200.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng 370.000.000 đồng nên đồng ý trả. Còn người đại diện cho bà B xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với 06 phần hụi cho mượn và 16 dây hụi từ thứ hai trở đi, do đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh E, chị F sửa án sơ thẩm.

Các đương sự không có sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Việc bà B kiện đòi anh E, chị F trả nợ 16 dây hụi do bà làm chủ từ 14/4/2019 đến 27/4/2020 và 06 phần hụi do bà B tham gia do bà Nguyễn Thị I làm chủ đã cho anh E, chị F mượn hốt, Tòa sơ thẩm không kiểm tra đối chất số nợ của từng dây hụi mà dựa vào biên bản giải quyết nợ do Ủy ban nhân dân xã C lập ngày 05/8/2020 để xử buộc phía bị đơn trả là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị F thừa nhận có nợ bà B 170.000.000 đồng của dây hụi khui ngày 13/10/2018 và 200.000.000 đồng tiền vay nên chị F đồng ý trả số tiền trên cho bà B. Về phía anh Phạm Văn D là người đại diện theo ủy quyền cho bà B xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện của bà B đòi chị F anh E trả 475.000.000 đồng tiền mượn 06 dây hụi do bà I làm chủ và 16 dây hụi còn lại từ thứ 2 đến thứ 17 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của

chị F anh E sửa án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu anh Giàu đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự lời bào chữa của Luật sư và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Bị đơn Nguyễn Văn E, Trần Thị F đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Anh Phạm Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B, việc ủy quyền thực hiện đúng quy định tại Điều 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi và vay được tòa sơ thẩm xác định tranh chấp nợ hụi và vay tài sản là đúng với tính chất của vụ án và thuộc phạm vi, thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 280, 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi tổng cộng 3.360.000.000 đồng cụ thể là: Anh E, chị F tham gia các dây hụi (17 dây hụi) do bà B làm chủ nhưng sau khi hốt hụi chị F không đóng đầy đủ tiền hụi. Đồng thời anh E, chị F còn mượn của bà B 06 phần hụi sống của 06 dây hụi do bà Nguyễn Thị I làm chủ hụi, với số tiền nợ 475.000.000 đồng và mượn của bà B là 300.000.000 đồng, trả được 100.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng chưa trả. Tổng số tiền nợ là 4.035.000.000 đồng. Chị F chỉ thừa nhận chị có tham gia dây hụi thứ nhất do bà B làm chủ khui ngày 13/10/2018. Phần hụi này chị đã hốt nhưng chưa đóng hụi chết đầy đủ nên còn nợ lại 170.000.000 đồng, còn dây hụi khác chị không có tham gia danh sách hụi do bà B tự lập, tự hốt chị không biết, chị cũng không có mượn hụi bà I như bà B trình bày. Đối với số tiền mượn 300.000.000 đồng là tiền nợ hụi 170.000.000 đồng + lãi nhưng chị thừa nhận có ký biên nhận nên đồng ý trả số tiền này, chị đã trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Do đó, chị F chỉ đồng ý trả cho bà B 370.000.000 đồng và việc chơi hụi chỉ mình chị biết, anh E không biết. Anh E không đồng ý trả vì anh không biết chị F chơi hụi với bà B.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B buộc anh E và chị F liên đới trả 4.035.000.000 đồng về tiền nợ hụi và vốn vay.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, anh E và chị F cùng kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của bà B, ghi nhận anh E và chị F tự nguyện trả 370.000.000 đồng.

[4] Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, chị F, anh E không thừa nhận có tham gia 16 dây hụi từ thứ 2 trở đi và mượn 06 phần hụi do bà I làm chủ như bà B khởi kiện. Chị F xác định chỉ nợ bà B 170.000.000 đồng của dây hụi do bà B làm chủ mà chị tham gia dây hụi khui ngày 13/10/2018 và đã hốt kỳ khui hụi thứ 4, và nợ vay 300.000.000 đồng nhưng đã trả được 100.000.000 đồng còn nợ lại 200.000.000 đồng như bà B trình bày, chị F đồng y trả cho bà B 370.000.000 đồng tiền hụi và nợ vay.

Anh Phan Văn D là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi chị F, anh E trả tiền nợ 16 dây hụi còn lại từ thứ hai đến thứ 17 và 06 phần hụi cho chị F, anh E mượn do bà I làm chủ là 475.000.000 đồng. Anh yêu cầu chị F, anh E trả cho bà B số tiền nợ như chị F thừa nhận.

Anh E, chị F cũng đồng ý với việc anh Giàu rút lại phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B khởi kiện anh chị ngay tại phiên tòa.

[5] Việc bị đơn thừa nhận số nợ 370.000.000 đồng và đồng ý trả, còn đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện mà bị đơn không thừa nhận được bị đơn đồng ý là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu do đại diện nguyên đơn đã rút.

[6] Tuy nhiên về phần nghĩa vụ trả nợ thì anh E cho rằng do chị F nợ anh hoàn toàn không biết nhưng tại phiên tòa anh E và chị F đều thừa nhận anh chị là vợ chồng còn sống chung, tiền vay và nợ hụi được dùng trị bệnh cho chị F, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do chị F quản lý, trong thời gian vay nợ có mua sắm một số vật dụng trong gia đình nên căn cứ vào các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 288 Bộ luật dân sự thì anh E phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ mà chị F đã vay và hốt hụi cho bà B.

[7] Về án phí: Anh E, chị F phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% đối với số nợ anh chị phải trả cho bà B theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đối với bà B là người cao tuổi nên khi khởi kiện bà được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Xét ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ cho quyền lợi của bị đơn và nội dung phân tích đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, 299, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị F và anh Nguyễn Văn E.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 280, 288, 357, 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 24, 28, 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn E và Trần Thị F liên đới nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị B 170.000.000 đồng nợ hụi và 200.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng 370.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh E, chị F chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Hủy một phần quyết định án sơ thẩm số 93/2020/DSST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đòi anh Nguyễn Văn E, chị Trần Thị F trả 475.000.000 đồng tiền mượn hụi và tiền nợ của 16 dây hụi còn lại từ thứ 2 (khui ngày 14/4/2019) đến thứ 17 (khui ngày 27/4/2020). Bà B được quyền khởi kiện lại vụ án đối với phần yêu cầu đã rút theo thủ tục tố tụng và quy định của pháp luật

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn E và chị Trần Thị F phải chịu 18.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho anh E, chị F 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005804 ngày 21/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 04 tháng 01 năm 2021 có mặt các đương sự và Luật sư.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện A;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Mai Hoàng Khải